

Số: /BC-UBND

Tây Hòa, ngày tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao xã Hòa Phong năm 2021

Căn cứ Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ, về việc ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 21/03/2018 của UBND tỉnh về ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn từ năm 2018-2020 tỉnh Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 20/01/2021 V/v Phê duyệt danh sách xã đăng ký phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao năm 2021;

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã, UBND huyện báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao xã Hòa Phong năm 2021, cụ thể như sau:

I. VỀ HỒ SƠ GỒM CÓ:

- Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2021 của xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên;
- Biên bản họp đề nghị xét, công nhận xã Hòa Phong đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021;
- Tờ trình về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận xã Hòa Phong đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021.

II. KẾT QUẢ THẨM TRA CÁC TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI

1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.
- Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã giai đoạn 2010-2020, được UBND huyện Tây Hòa phê duyệt tại quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 29/2/2012 và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 5018/QĐ-UBND

ngày 16/12/2018,. Hiện nay, UBND huyện Tây Hòa đã phê duyệt chủ trương lập điều chỉnh Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã tại Quyết định số 3476/QĐ-UBND ngày 18/8/2020, ngoài ra để đảm bảo giữ vững tiêu chí quy hoạch, UBND xã đang thực hiện điều chỉnh đồ án Quy hoạch NTM thành quy hoạch chung xã theo Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 11/3/2021 của UBND huyện Tây Hòa “ Về việc cho phép triển khai thực hiện lập quy hoạch điều chỉnh Đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phong thành Quy hoạch chung xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa”. Trên cơ sở rà soát, bổ sung Đồ án, đề án quy hoạch được phê duyệt, UBND xã tiến hành công bố và công khai rộng rãi quy hoạch để nhân dân biết, theo dõi và thực hiện

- Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới theo quy hoạch được phê duyệt và có quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã. Tổ chức thực hiện theo quy hoạch đã được phê duyệt.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

2. Tiêu chí số 02 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: 100%;

- Tỷ lệ đường trục thôn và đường liên thôn ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: $\geq 70\%$;

- Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa: $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm: $\geq 70\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Sau khi Đề án xây dựng nông thôn mới được phê duyệt và triển khai thực hiện, địa phương đã tập trung huy động các nguồn lực để đầu tư bê tông hóa, cứng hóa các tuyến giao thông trên địa bàn xã và đạt nhiều kết quả đột phá trong xây dựng giao thông nông thôn. Đặc biệt, từ khi có Nghị quyết số 75/2013/NQ-HĐND ngày 29/3/2013 của HĐND tỉnh Phú Yên về Đề án bê tông hóa giao thông nông thôn, tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, địa phương đã huy động Nhân dân hưởng ứng đóng góp cùng nhà nước làm đường giao thông nông thôn. Hầu hết các tuyến đường trục thôn, xóm, ngõ xóm đều được bê tông hóa và kéo điện thấp sáng, nhân dân đi lại thuận tiện.

- Hiện trạng các tuyến đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm là 4,59 km/4,59 km, đạt tỷ lệ 100%.

- Hiện trạng các tuyến đường trục thôn và đường liên thôn dài 5,89 km, đã cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm được 5,89 km/5,89 km, đạt tỷ lệ 100%;

- Hiện trạng các tuyến đường ngõ, xóm dài 36,18 km, đảm bảo sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, trong đó đã cứng hóa 36,18 km/36,18 km, đạt tỷ lệ 100%.

- Hiện trạng tuyến đường trục chính nội đồng dài 19,216 km, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, đã cứng hóa đạt 19,216 km/19,216 km, đạt tỷ lệ 100%. Trong đó xây dựng bê tông xi măng được 8,686/19,216 km, đạt tỷ lệ 45,2%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên: Hệ thống kênh mương nội đồng được xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hàng năm theo quy hoạch. Tổng kênh mương được kiên cố hóa 12,98/14,31km, đạt 90,7%, tăng 5,8% so với năm 2015. Công trình được xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa đáp ứng các yêu cầu về tưới, tiêu, chống thất thoát nước; đảm bảo nước tưới chủ động trong sản xuất nông nghiệp cho 552/577 ha, đạt 95,6%.

- Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ: Hàng năm, UBND xã xây dựng phương án ứng phó với thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai; kịp thời củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN và phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên Ban chỉ huy phụ trách, 100% cán bộ được tập huấn về công tác phòng chống thiên tai. Thường xuyên duy trì hoạt động của các đội, tổ xung kích PCTT và TKCN. Có hệ thống đài truyền thanh đảm bảo thu nhận và cung cấp thông tin đến nhân dân được kịp thời.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

4. Tiêu chí số 4 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Hệ thống điện đạt chuẩn. Đạt

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn $\geq 98\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Hệ thống điện trên địa bàn xã Hòa Phong do Điện lực Tây Hòa trực tiếp quản lý và vận hành; tổng số có 17 trạm biến áp với tổng công suất 2.354 kVA; tổng chiều dài đường dây trung áp và hạ áp là 76km (trong đó chiều dài đường dây trung áp là 22km; đường dây hạ áp dài 54km); toàn bộ các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp trên địa bàn xã đảm bảo đạt các chỉ tiêu theo quy định. Các điểm vi phạm hành lang an toàn lưới điện đã được khắc phục và đảm bảo an toàn, không phát sinh vi phạm. Việc thông báo ngừng, giảm mức cung cấp điện được thông báo theo đúng quy định. Chất lượng điện áp đối với phụ tải điện trên địa bàn huyện trong điều kiện vận hành bình thường có độ lệch trong khoảng cho phép từ -5% đến 5% so với điện áp danh định của lưới điện. Tổng số hộ sử dụng điện là 3.623 hộ, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 100%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

5. Tiêu chí số 5 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia $\geq 80\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trường Mầm non Hòa Phong: Khuôn viên diện tích: 4.613m²; trong đó diện tích tại điểm trường chính thôn Mỹ Thạnh Trung 1: 1.542m²; Mỹ Thành Đông 1: 1.071m²; Mỹ Thạnh Trung 2: 2000m².

+ Cổng trường, tường rào kiên cố ngăn cách với bên ngoài, được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Điều lệ trường mầm non, các điểm trường đảm bảo diện tích khu vui chơi cho trẻ, có cây xanh tạo bóng mát, thiết bị và đồ dùng ngoài trời cho giáo dục trẻ, tạo điều kiện cho trẻ khám phá, học tập.

+ Năm học 2020-2021: Trường có 6 lớp với 195 trẻ; 11 phòng học được xây dựng kiên cố; có đầy đủ các phòng phục vụ học tập (phòng giáo dục nghệ thuật) phục vụ nhu cầu vận động, phát triển thẩm mỹ và thể chất cho trẻ; phòng chức năng riêng biệt ở các điểm trường; Bếp ăn được thiết kế theo quy trình sử dụng 1 chiều gồm phòng ăn và khu sơ chế.

+ Khối phòng hành chính quản trị gồm 4 phòng làm việc và 01 phòng họp (Hội trường) cho CBQL và nhân viên làm việc, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo.

* **Đánh giá trường Mầm non:** Theo Điều 7. Tiêu chuẩn Cơ sở vật chất và (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: **Đạt**

- Trường Tiểu học Hòa Phong: Khuôn viên tổng diện tích; 8.806,4m². trong đó: diện tích tại điểm trường chính thôn Mỹ Thạnh Trung 2 (điểm chính): 4.012 m²; Mỹ Thành Nam; 3.629 m²; Phước Thành Đông: 1.165,4 m², tỷ lệ phòng học/lớp: 32/30; tỷ lệ: 1,06.

+ Cổng trường, tường rào kiên cố ngăn cách với bên ngoài, được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, các điểm trường đảm bảo diện tích cho các hoạt động giáo dục, có cây xanh tạo bóng mát.

+ Năm học 2020-2021: Trường có 30 lớp với, 896 học sinh, hiện tại trường có 32 phòng học (KC: 32; BKC: 0); có 02 phòng Tin học, 01 phòng đa chức năng, 02 phòng học Tiếng Anh; 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật .

- Thư viện đạt thư viện đạt chuẩn ở 02 điểm trường.

- Khối phòng hành chính quản trị: gồm 12 phòng làm việc và 01 phòng họp (Hội trường) cho CBQL và nhân viên làm việc, khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo

* **Đánh giá trường Tiểu học:** Theo Điều 11. Tiêu chuẩn Cơ sở vật chất (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: **Đạt**

- Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng: Khuôn viên diện tích: 10.876m². Cổng trường, tường rào kiên cố ngăn cách với bên ngoài, được thiết kế, xây dựng theo quy định tại Điều lệ trường THCS đảm bảo diện tích cho các hoạt động giáo dục, có cây xanh tạo bóng mát.

- Năm học 2020-2021: Trường có 20 lớp với, 737 học sinh, Hiện tại trường có 15 phòng học kiên cố; thư viện đạt thư viện tiên tiến.

- Khối phòng hành chính quản trị: gồm 06 phòng làm việc CBQL và nhân viên; phòng họp (Hội trường); khu vệ sinh cho giáo viên và học sinh đảm bảo. Khối phòng học tập đảm bảo số lượng 0,6 phòng/lớp được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố đảm bảo các trang thiết bị. Khối phòng học bộ môn được đầu tư riêng biệt, đảm bảo theo chuẩn để phục vụ cho công tác dạy học. Khối phòng hỗ trợ học tập (thư viện; thiết bị giáo dục; phòng truyền thống Đoàn – đội...) được sắp xếp; bố trí đảm bảo. Khối phòng phụ trợ (phòng họp, phòng các tổ chuyên môn, y

tê, kho, nhà xe...) được sắp xếp; bố trí đảm bảo. Có khu sân chơi, thể dục thể thao đảm bảo về diện tích quy mô và các dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh

* **Đánh giá trường THCS:** Theo Điều 15 - Tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: **Đạt**

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

6. Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Nhà văn hoá, khu thể thao xã đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL. Đạt
- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định. Đạt
- Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng. 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao, Hội trường UBND xã làm Nhà văn hóa trung tâm xã, Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã với diện tích 5.299,3m², UBND xã có sân bóng đá với diện tích: 14.235,8m² và 01 sân bóng chuyền đảm bảo đáp ứng yêu cầu hoạt động văn hóa thể thao của người dân. Tiếp tục thực hiện Quy chế lồng ghép tổ chức Hội nghị và hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trên địa bàn xã.

- Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định: Trên địa bàn xã có nhiều điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi. Hàng năm có kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em, thường xuyên phối hợp với các ngành chức năng thăm hỏi, động viên, giải quyết kịp thời các chế độ chính sách cho người cao tuổi. Các hoạt động vui chơi, giải trí văn nghệ cho trẻ em được tổ chức thường xuyên vào các ngày lễ.

- Xã có 6/8 Nhà văn hóa thôn được đầu tư, nâng cấp, mở rộng, có đủ 100 chỗ ngồi trở lên, khuôn viên nhà văn hoá thôn được trồng hoa, cây xanh tạo bóng mát, cảnh quan, sạch đẹp, có 3/8 thôn có sân thể thao và trang bị dụng cụ thể thao phục vụ cho nhu cầu của người dân. Tại HTX có 2 sân bóng đá mini phục vụ thường xuyên cho luyện tập thể dục thể thao thường xuyên trên địa bàn xã.

- 02 nhà văn hóa thôn Phước Thành Đông và Mỹ Thạnh Đông 1 đang triển khai xây dựng mới. Trong quá trình triển khai thi công chờ hoàn thiện đưa vào sử dụng, UBND xã đã xây dựng quy chế sinh hoạt lồng ghép 2 thôn này cụ thể: thôn Mỹ Thạnh Đông 1 sinh hoạt lồng ghép ở Nhà văn hóa xã, thôn Phước Thành Đông sinh hoạt lồng ghép tại thôn Phước Thành Nam.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

7. Tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng, thương mại nông thôn

a) Yêu cầu của tiêu chí

Xã có chợ nông thôn trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc siêu thị mini hoặc cửa hàng tiện lợi hoặc cửa hàng kinh doanh tổng hợp đạt chuẩn theo quy định tại Quyết định số 4800/QĐ-BCT ngày 08/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương V/v Hướng dẫn thực hiện và xét công nhận Tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Xã không có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch hoặc xã có cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền

phê duyệt nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng thì không xem xét, đánh giá tiêu chí này.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã Hòa Phong có 02 chợ:

- Chợ Mỹ Thạnh Đông 1 là chợ hạng 3 được đầu tư xây dựng ở vị trí mới với diện tích 8.200m², có 1 lều chợ chính, các lều mua bán và các kiốt xung quanh, đường nội bộ ngang dọc rộng 04 mét, diện tích sân chợ đã được bê tông, có hệ thống thoát nước, có nhà vệ sinh.

+ Chợ Mỹ Thạnh Trung 1 là chợ hạng 3, có diện tích mặt bằng 300m², gồm 1 nhà chính ở giữa, có các dãy ki ốt, lều mua bán. Trong năm 2017 đã nâng cấp tu sửa Chợ với diện tích nền sân chợ bê tông, và tu sửa gian mái nhà chợ chính, đảm bảo công năng hiệu quả sử dụng.

+ 02 chợ đã được trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định; nội quy của chợ đã được UBND huyện Tây Hòa phê duyệt (tại Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 29/6/2013) và niêm yết công khai tại chợ. Hiện tại chợ đang được Công ty TNHH Thương mại Ngân Tín kinh doanh khai thác và quản lý theo Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 19/2/2021 của UBND huyện Tây Hòa.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

8. Tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có điểm phục vụ bưu chính.
- Xã có điểm phục vụ viễn thông, Internet.
- Có đài truyền thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các thôn hoạt động thường xuyên.
- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xã có điểm phục vụ Bưu chính.
- + Trên địa bàn xã có 01 điểm Bưu điện văn hóa tại thôn Mỹ Thạnh Đông 1 cung ứng đa dịch vụ.
- + Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương.
- + Có niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ theo quy định.
- + Thời gian mở cửa phục vụ: 06 giờ/ngày làm việc
- + Cung cấp dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02kg; dịch vụ gói kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05kg.
- Xã có dịch vụ viễn thông, Internet.
- + Trên địa bàn xã có 08/08 thôn có hạ tầng viễn thông, Internet đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và truy cập Internet.
- + Dịch vụ viễn thông, Internet trên địa bàn xã đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.
- Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- + Xã Hòa Phong đang sử dụng hệ thống truyền thanh vô tuyến gồm có 42 cụm loa, hệ thống loa được bố trí đến tất cả các cụm dân cư, đảm bảo phục vụ tốt các thông tin, tuyên truyền đến nhân dân.
- + Đài Truyền thanh thiết lập đáp ứng các quy chuẩn.

- Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.
 - + Cơ quan Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể- chính trị xã đều có máy tính phục vụ quản lý và làm việc; xã đã kết nối mạng Internet băng rộng.
 - + Đã trang bị và đang sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành VNPT-ioffoce; cán bộ công chức của xã sử dụng hộp thư công vụ; xã đã có trang thông tin điện tử và triển khai dịch vụ công trực tuyến.
- c) Đánh giá:** Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

9. Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Trên địa bàn không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Tổ chức rà soát số lượng nhà ở tạm trên địa bàn xã, thực hiện kế hoạch xóa đói giảm nghèo, vận động từ các nguồn quỹ hỗ trợ hộ dân có nhà ở tạm để xây dựng nhà mới. Đồng thời, vận động nhân dân ở các thôn tự tu sửa, xây mới nhà ở để đảm bảo cuộc sống và đủ chuẩn theo quy định nông thôn mới. Từ năm 2017 đến nay, hỗ trợ sửa chữa và xây mới là 20 nhà.

- Trên địa bàn xã không còn hộ gia đình ở trong nhà tạm, nhà dột nát.
- Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định: 98,8%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

10. Tiêu chí số 10 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Xã được công nhận đạt tiêu chí thu nhập khi có mức thu nhập bình quân đầu người đạt 41 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Đề tạo việc làm, tăng thu nhập cho nhân dân, trong những năm qua địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khuyến khích nhân dân mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, tập trung phát triển kinh tế, mở rộng quy mô phát triển kinh tế hộ gia đình, triển khai các mô hình sản xuất có hiệu quả, phát triển chăn nuôi theo mô hình gia trại, trang trại, duy trì phát triển các ngành nghề của địa phương, tham gia học nghề tạo việc làm có thu nhập ổn định. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Vì vậy, thu nhập bình quân đầu người được tăng lên, năm sau cao hơn so với năm trước. Kết quả thẩm định thu nhập bình quân đầu người/năm của xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa năm 2020 như sau:

- Thu nhập bình quân đầu người của xã năm 2020 là: 49,254 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

11. Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo*), tỷ lệ $\leq 5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Ban chỉ đạo giảm nghèo xã phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể huy động các nguồn vốn tạo điều kiện cho hộ nghèo được vay vốn phát triển sản xuất. Hàng năm phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề cho hộ nghèo, cận nghèo để giải quyết việc làm. Đồng thời, phối hợp với Ngân hàng CSXH, ngân hàng NN&PTNT hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất thấp, tạo điều kiện cho người dân có việc làm ổn định, thu nhập đáng kể, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn xã. Hàng năm, tổ chức rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn xã; xây dựng kế hoạch, phương án hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo có việc làm tăng thu nhập nâng cao đời sống và thoát nghèo. Thực hiện có hiệu quả các kế hoạch của Đảng ủy xã về triển khai mô hình “Đảng viên giúp đỡ hộ nghèo”.

Toàn xã có 3.427 hộ dân và 56 hộ nghèo, trong đó có 44 hộ nghèo BTXH. Vì vậy tỷ lệ hộ nghèo là: 12 hộ/3.383 hộ, tỷ lệ 0,35%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

12. Tiêu chí số 12 về Tỷ lệ lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động. $\geq 90\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thành lập và củng cố Ban chỉ đạo thực hiện đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn xã giai đoạn 2015-2020, xây dựng và phổ biến quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, kế hoạch triển khai thực hiện đến từng bộ phận, đoàn thể có trách nhiệm liên quan. Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống đài tuyên thanh xã về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn nắm bắt, tích cực tham gia học nghề. Rà soát, thống kê số lượng lao động, tình hình việc làm trên địa bàn xã, phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề tạo tay nghề cho lao động nông thôn. Đến cuối năm 2020, giải quyết việc làm 263/265 lao động lao động, đạt 99,24% chỉ tiêu huyện giao, trong đó 73 số lao động tạo việc làm tăng thêm và 192 tạo việc làm thông qua chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2017 đến tháng 12/2020, cho vay giải quyết việc làm 387 hộ số tiền 12.968 triệu đồng.

Tổng số lao động có việc làm 7.866/7.867 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, chiếm tỷ lệ 99,8%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

13. Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012.

- Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Phong.

+ Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Đã tổ chức Đại hội chuyên đổi và hoạt động theo Luật HTX 2012, Giấy chứng nhận ĐKKD số 4400151032 cấp ngày 29/12/1997 (đăng ký thay đổi lần thứ 19, ngày 14/4/2020).

+ Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã: Dịch vụ thu gom rác thải; Dịch vụ sản xuất rượu tầm, con tầm sấy khô; Sản xuất và mua bán lúa giống; Bán lẻ xăng, dầu, nhớt; Mua bán phân bón hóa học, thuốc BVTV; xây xát và sản xuất bột thô.

+ Kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm tài chính gần nhất (hoặc 02 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 03 năm):

* Năm 2018 lợi nhuận sau thuế: 612.039.177 đồng.

* Năm 2019 lợi nhuận sau thuế: 689.723.880 đồng.

* Năm 2020 lợi nhuận sau thuế: 605.724.839 đồng.

+ Có quy mô thành viên ít nhất là 14 thành viên: Hợp tác xã được thành lập với 2.088 hộ thành viên.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm.

Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm: Có mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ lúa giống 50ha giữa HTX và cơ sở kinh doanh công ty giống cây trồng Nông Việt Phát tỉnh Đắk Lắk; Mô hình trồng cây dâu với diện tích 3 ha; Mô hình cánh đồng mẫu thực hiện chương trình giảm lượng giống gieo xạ ứng dụng cơ giới hóa trên 60 ha với tham gia 500 hộ; Mô hình sản xuất lúa hữu cơ 1ha. Trên địa bàn xã Hòa Phong có Làng nghề trồng dâu nuôi tằm luôn luôn duy trì, bảo tồn để thúc đẩy phát triển của địa phương, sản phẩm rượu tầm được UBND tỉnh công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2019 và công nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, công nhận sản phẩm đạt OCOP 3 sao cấp tỉnh năm 2020.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

14. Tiêu chí số 14 về Giáo dục

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề). $\geq 85\%$

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo. $\geq 40\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- UBND huyện Tây Hoà ban hành quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 về việc công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 3 và xóa mù chữ mức độ 2.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học Trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) năm 2020 là 150 học sinh/174 học sinh, đạt 86,2 %.

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo theo kết quả điều tra đến tháng 12/2020 là 5.671 người/7.866 người, đạt 72,1% (Năm 2016, đạt 40%, tăng 32,1%).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

15. Tiêu chí số 15 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia BHYT $\geq 85\%$

- Tiêu chí Xã đạt quốc gia về y tế. Đạt

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).

$\leq 24,2$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Với sự chỉ đạo của UBND xã và sự hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế cấp trên, Trạm y tế xã triển khai công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn, thực hiện các Chương trình y tế quốc gia, phòng chống dịch bệnh, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đạt kết quả tốt. Ngoài ra, UBND xã còn hỗ trợ Trạm y tế duy tu, bảo dưỡng trạm, bố trí cơ sở vật chất, thuốc men,...đảm bảo trạm đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.

- Tỷ lệ người dân tham gia các loại hình bảo hiểm y tế 6/2021 là 10.138 người/10.790 người được cơ quan BHXH xác nhận, đạt tỷ lệ 93,96.

- Xã Hòa Phong được công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về y tế năm 2015 theo Quyết định số 2552/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh. Ngày 14/02/2019 Sở Y tế tổ chức kiểm tra việc duy trì và giữ chuẩn sau 03 năm, kết quả xã Hòa Phong đạt 95,5/100 điểm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 141/800, đạt 17,63% (giảm 4,57% so với năm 2016).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

16. Tiêu chí số 16 về Văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí:

Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định. $\geq 70\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Chỉ đạo Trưởng thôn phối hợp với Trưởng ban công tác mặt trận thôn tiến hành họp quần dân chính quán triệt 3 tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, 05 tiêu chuẩn xây dựng thôn văn hóa theo Thông tư số 12/2011/TT-BVHTTDL ngày 10/10/2011 của Bộ văn hóa, thể thao và du lịch để hộ gia đình tự nguyện đăng ký xây dựng gia đình văn hoá, thôn văn hóa. Nhân dân thống nhất và đồng tình hưởng ứng đăng ký và quyết tâm xây dựng gia đình văn hoá, thôn văn hoá, xã đạt chuẩn văn hoá nông thôn mới.

- Năm 2020, có 3.430/3.520 hộ đạt gia đình văn hoá, tỷ lệ 97,44%; có 7/8 thôn đạt thôn văn hoá; có 06/07 thôn đạt danh hiệu thôn văn hoá năm thứ 10, đạt 87,5%; xã đạt xã văn hóa nông thôn mới năm thứ 6.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

17. Tiêu chí số 17 về Môi trường

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia $\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)

- Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường. 100%
- Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn. Đạt
- Mai táng phù hợp theo quy định và theo quy hoạch. Đạt
- Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Đạt
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 85\%$
- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường $\geq 75\%$
- Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Triển khai thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và quy định các chỉ tiêu của tiêu chí 17 về môi trường trong bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới, UBND xã đã phối hợp với Mặt trận, các hội đoàn thể, 08 thôn tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ môi trường, không vứt rác thải bừa bãi, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, bảo vệ, chăm sóc cây xanh và dọn dẹp vệ sinh, đảm bảo cảnh quan môi trường xung quanh nơi ở; vận động nhân dân, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học tăng cường trồng cây xanh, tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường nơi làm việc sáng - xanh - sạch - đẹp. Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp với ngành chức năng và các thôn kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình, cơ sở sản xuất hướng dẫn đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Kết quả thực hiện như sau:

- Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.
- 51 cơ sở sản xuất kinh doanh và làng nghề trồng dâu nuôi tằm trên địa bàn xã đều thực hiện ký cam kết bảo vệ môi trường theo quy định, chấp hành tốt việc bảo vệ môi trường, đạt tiêu chuẩn về môi trường, đạt 100%.
- Các đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa và không lầy lội. Thực hiện chiến dịch bảo vệ môi trường dọn vệ sinh 03 tuần/ 01 lần. Phối hợp với Mặt trận, đoàn thể và Trưởng thôn 08 thôn tuyên truyền đến toàn thể Nhân dân hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường, trồng hoa, cây xanh, chỉnh trang tường rào, cổng ngõ, không vứt rác bừa bãi góp phần tạo cảnh quan, môi trường tại gia đình cũng như đường làng ngõ xóm sáng – xanh – sạch – đẹp. (Từ năm 2016 đến nay, UBND xã trồng hoa và cây xanh được 22 tuyến đường với chiều dài 10.700m).
- Mai táng phù hợp theo quy định và theo quy hoạch.
- Rác thải sinh hoạt trên địa bàn do Công ty cổ phần môi trường đô thị thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện. Xã đã xây dựng được 20 bể chứa vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường Khánh Hòa để thu gom, vận chuyển và xử lý. Có hương ước, quy ước bảo vệ môi trường.
- Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch, đạt 94,43%.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%.

- 100% hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

18. Tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn. Đạt
- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định. Đạt
- Đảng bộ, chính quyền xã được công nhận đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Đạt

- Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên. Đạt
- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định. Đạt
- Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội. Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thường xuyên sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã đáp ứng nhiệm vụ chuyên môn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức xã được chú trọng, tạo điều kiện để cán bộ tham gia học tập nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định. Tăng cường xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới, tập trung đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể. Tạo điều kiện thuận lợi Nhân dân bày tỏ ý kiến, nguyện vọng và quyền làm chủ của dân. Tiếp tục đổi mới công tác vận động quần chúng, đa dạng hóa các hình thức đoàn kết, tập hợp, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Thực hiện tốt kế hoạch về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật. Xây dựng kế hoạch và khảo sát ý kiến sự hài lòng của tổ chức, người dân đối với sự phục vụ của cán bộ, công chức trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã. Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến triển khai Luật Bình đẳng giới, Luật phòng, chống bạo lực gia đình... đến cán bộ, công chức và người dân để nâng cao nhận thức về công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ và bình đẳng giới.

- Cán bộ xã đạt chuẩn: đạt (100% cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định tại Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn).

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.
- Đảng bộ, chính quyền xã được công nhận đạt tiêu chuẩn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Các tổ chức chính trị - xã hội của xã được công nhận đạt loại khá trở lên theo quy định.

- Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định: Tổng số điểm của các tiêu chí tiếp cận pháp luật: 98,5 điểm; Không có tiêu chí nào dưới 50% số điểm tối đa; kết quả đánh giá sự hài lòng của tổ chức, cá nhân về chất lượng, thái độ phục vụ

khi thực hiện thủ tục hành chính (Chỉ tiêu 5 thuộc Tiêu chí 2) đạt 98% ; trong năm không có cán bộ, công chức cấp xã bị xử lý kỷ luật

- Công tác bình đẳng giới được Đảng ủy, chính quyền quan tâm, nhiệm kỳ 2015-2020 cơ cấu có 04 cán bộ nữ/15 cán bộ trong BCH Đảng bộ xã, chiếm tỷ lệ 26,66%, nhiệm kỳ 2020-2025 cơ cấu có 03 cán bộ nữ/13 cán bộ trong BCH Đảng bộ, chiếm tỷ lệ 23,07%. 100% phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo,... không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; Đài truyền thanh thường xuyên tuyên truyền Luật bình đẳng giới trên hệ thống thông tin truyền thanh xã. Đã thành lập Ban quản lý mô hình Địa chỉ tin cậy nhà tạm lánh tại cộng đồng.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

19. Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng. Đạt

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên. Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng: Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban CHQS xã đã qua đào tạo cơ bản trình độ Trung cấp, cao đẳng ngành quân sự, đủ điều kiện tham gia cấp ủy cùng cấp, hiện tại có 50% Cán bộ chỉ huy được đào tạo trình độ Cao đẳng ngành quân sự. Ban Chỉ huy quân sự có nơi làm việc và trang thiết bị theo quy định của pháp luật; Cán bộ Ban Chỉ huy quân sự được hưởng phụ cấp thâm niên, phụ cấp quản lý đơn vị; Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy quân sự được hưởng chế độ, chính sách và chế độ khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nòng cốt đạt 100% theo Nghị quyết, kế hoạch của cấp tỉnh, cấp huyện; hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định; Cán bộ Thôn đội trưởng là đảng viên 8/8đ/c đạt tỷ lệ 100% so với tiêu chí là từ 70% trở lên; Trung đội trưởng dân quân cơ động là đảng viên. Hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ hàng năm theo chỉ tiêu Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện giao 19/19 đạt tỷ lệ 100%. Hàng năm xã kết nạp 1-2 đảng viên trong lực lượng quân nhân dự bị và lực lượng dân quân, nâng tỷ lệ đảng viên trong DQTV đạt 26% trở lên (riêng trong dân quân đạt 24,3%), giữ vững Chi bộ quân sự có cấp ủy. Hàng năm cử cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức QPAN các cấp đạt 100% chỉ tiêu và tổ chức bồi dưỡng kiến thức QPAN cho các đối tượng theo phân cấp đạt 100% kế hoạch.

- Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên:

Công tác triển khai nhiệm vụ đảm bảo ANTT và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT.

+ Đảng ủy ban hành Kế hoạch số 18/KH-ĐU ngày 16/01/2021 về triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội năm 2021; UBND xã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 18/01/2021 về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội năm 2021 và có tổ chức mở Hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện. Đồng thời có kế hoạch, phương án phân công lực lượng bảo vệ tuyệt đối an toàn ANTT dịp trước, trong và sau Tết Nguyên đán Canh Tý năm 2021, các hoạt động nhân kỷ niệm các

ngày Lễ lớn của đất nước như 03/2, 01/4, 10/3 (âm lịch), 30/4 - 01/5 và các sự kiện chính trị trọng đại của đất nước, của tỉnh, của huyện và địa phương.

+ Tiếp tục duy trì thực hiện các mô hình phòng ngừa tội phạm về ANTT như: “Khu dân cư tự quản về ANTT”; “Liên kết Trường – Xã đảm bảo về ANTT”; “Quản lý, giáo dục trẻ em, người chưa thành niên làm trái pháp luật tại cộng đồng”; Mô hình “Cảm hóa giáo dục đối tượng tái hòa nhập cộng đồng”; “Camera AN phòng, chống tội phạm”; “Đảm bảo ANTT địa bàn giáp ranh giữa xã Hòa Phong với thị trấn Phú Hòa”; “Công khai số điện thoại trực ban, Trưởng, Phó Công an xã” đạt được nhiều hiệu quả trong phòng, chống tội phạm, đảm bảo ANTT tại địa bàn xã.

+ Chỉ đạo các ngành, đoàn thể phối hợp tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia phong trào bảo vệ ANTT và phòng chống tội phạm trong khu dân cư. Củng cố, kiện toàn và duy trì hoạt động có hiệu quả Ban chỉ đạo phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phong trào toàn dân bảo vệ ANTT với 25 thành viên, 08 Tổ tự quản về ANTT gồm 67 thành viên, Ban bảo vệ thôn xóm với 33 thành viên.

+ Đầu năm 2021, vận động 100% hộ gia đình của 8/8 khu dân cư cam kết xây dựng khu dân cư, xã đạt chuẩn an toàn về ANTT. Tuy chưa đến thời điểm xét công nhận nhưng 8/8 khu dân cư đều thực hiện đạt tiêu chuẩn về an ninh, trật tự.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm: Tập trung mở 02 đợt cao điểm tấn công, trấn áp các loại tội phạm. Tổ chức tuần tra kiểm soát 182 lượt, kết quả: Giải tán 20 tụ điểm đánh bạc và sóc bầu cua, 04 nhóm thanh niên tụ tập ăn nhậu đêm khuya, giải tán 02 nhóm thanh thiếu niên tụ tập chuẩn bị hung khí đánh nhau, thu giữ 02 mã tấu. Thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, không để xảy ra cháy, nổ gây hậu quả nghiêm trọng, kịp thời phát hiện, thu giữ 01 súng tự chế. Từ đầu năm 2021 đến nay xảy ra 01 vụ phạm pháp hình sự, 05 vụ vi phạm pháp luật tại cơ sở, trọng án không xảy ra, chưa phát hiện các loại tệ nạn xã hội như mại dâm, ma túy, mê tín dị đoan.

Công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã: Hàng năm lực lượng Công an xã được củng cố, kiện toàn, đến nay tổng số có 15 đồng chí, trong đó Công an chính quy đảm nhiệm chức danh Công an xã 05 đồng chí, 15/15 đồng chí là Đảng viên. Trang bị cơ bản về cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, xây dựng quy chế làm việc, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Công an xã. Thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Công an huyện và địa phương tổ chức; Tổ chức duy trì thực hiện tốt Hội nghị nhân dân về ANTT gắn với Diễn đàn Công an lắng nghe ý kiến nhân dân. Từ đầu năm 2021 đến nay không có đồng chí Công an nào vi phạm bị xử lý kỷ luật.

Được UBND huyện công nhận xã đạt chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” năm 2020 theo quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 13/01/2021. Năm 2021, tuy chưa đến thời điểm xét công nhận đạt chuẩn an toàn về ANTT nhưng đã tổ chức triển khai đầy đủ và đạt các nội dung theo quy định.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn và giữ vững theo quy định.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH CÁC TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

Tổng số tiêu chí đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo quy định tại Quyết định số 530/QĐ-UBND, ngày 21/03/2018 của UBND tỉnh về ban hành tiêu

chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn từ năm 2018-2020 là 15/15 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao. Tuy nhiên đối với tiêu chí số 2 – Điện nông thôn mới nâng cao, do trên địa bàn xã có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung, nhưng đến nay chưa có nhà đầu tư thực hiện dự án chăn nuôi tại vị trí quy hoạch khu chăn nuôi tập trung nên không xác định được tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu chăn nuôi tập trung. Tuy nhiên, với hệ thống điện hiện nay trên địa bàn xã Hòa Phong đã đáp ứng được nhu cầu điện cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn, khi có doanh nghiệp đầu tư vào khu chăn nuôi tập trung theo quy hoạch được phê duyệt thì Điện lực Tây Hòa sẽ đảm bảo cung cấp điện đáp ứng theo yêu cầu của doanh nghiệp nên không xem xét, đánh giá tiêu chí Điện. Việc xét, đánh giá xã Hòa Phong đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao dựa trên đánh giá 14/14 tiêu chí còn lại của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, cụ thể:

1. Tiêu chí số 01 về Giao thông

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải: 80%.

- Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải, đạt tỷ lệ $\geq 60\%$ (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa).

- Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải, đạt tỷ lệ $\geq 40\%$ (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa).

- Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt tỷ lệ $\geq 100\%$.

- Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt tỷ lệ $\geq 70\%$.

- Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông, đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã triển khai thực hiện các tuyến đường giao thông nông thôn đúng theo Đồ án, đề án quy hoạch. Triển khai thực hiện công tác bê tông hóa đường giao thông nông thôn còn lại và tuyến đường trục chính nội đồng theo Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh. Các tuyến đường trên địa bàn xã, thôn được lắp biển chỉ dẫn giao thông để hướng dẫn cho người dân trong và ngoài xã đi lại thuận tiện.

Phát động phong trào thi đua “Tây Hoà chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”, các bộ phận, đoàn thể phối hợp tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia hưởng ứng trong việc xây dựng bê tông giao thông nông thôn và thắp sáng đường quê. Đến nay, trên địa bàn xã thắp sáng với chiều dài 40,77km. Trồng hoa và cây xanh 11km kinh phí 75,2 triệu đồng với nhiều loại hoa như chuông vàng, gắm, hoa chuỗi ngọc và các loại khác...

- Hiện trạng các tuyến đường trục thôn xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải với chiều dài 5,89 km /5,89 km, đạt 100% > 80%.

- Hiện trạng các tuyến đường đường ngõ xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải với chiều dài 36,18 km /36,18 km, đạt 100% > 60%.

- Hiện trạng các tuyến đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải với chiều dài 8,686km/19,216 km, đạt 45,2% > 40%. Còn lại 10,53 km được đảm bảo duy trì cứng hóa.

- Toàn bộ các tuyến đường trục xã, liên xã, các tuyến đường trục thôn xóm có tổng chiều dài 10,48 km được đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt 100%.

- Trên địa bàn xã có 28,49 km/36,18 km đường ngõ xóm được đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”, đạt 78,74% > 70%.

- Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

2. Tiêu chí số 02 về Điện

a) Yêu cầu của tiêu chí

Đối với các xã có cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được phê duyệt: tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được phê duyệt đạt từ 85% trở lên;

Đối với các xã trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt không có cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung: không xem xét, đánh giá đối với tiêu chí số 2 - Điện xã nông thôn mới nâng cao. Việc đánh giá xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao sẽ dựa trên đánh giá các tiêu chí còn lại của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh; đồng thời, UBND xã có văn bản báo cáo về việc trên địa bàn xã trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt không có cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung và được UBND cấp huyện xác nhận.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Theo Quyết định phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Hòa Phong, huyện Tây Hòa giai đoạn (2010-2015) - (2015-2020) được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì trên địa bàn xã có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung, nhưng đến nay chưa có nhà đầu tư thực hiện dự án chăn nuôi tại vị trí quy hoạch khu chăn nuôi tập trung nên không xác định được tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho khu chăn nuôi tập trung. Tuy nhiên, với hệ thống điện hiện nay trên địa bàn xã Hòa Phong đã đáp ứng được nhu cầu điện cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn, khi có doanh nghiệp đầu tư vào khu chăn nuôi tập trung theo quy hoạch được phê duyệt thì Điện lực Tây Hòa sẽ đảm bảo cung cấp điện đáp ứng theo yêu cầu của doanh nghiệp.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định

3. Tiêu chí số 03 về Trường học

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đạt tỷ lệ 100%.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trên địa bàn xã có 03/03 trường của xã (Trường Mầm non Hòa Phong, Trường tiểu học Hòa Phong và Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng) đạt chuẩn về cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, tỷ lệ 100%, cụ thể:

- Trường Mầm non: Theo Điều 9, tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 19/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GDĐT: Đạt.
- Trường Tiểu học Hòa Phong: Theo Điều 11, tiêu chuẩn Cơ sở vật chất (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: Đạt
- Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng: Theo Điều 15, tiêu chuẩn cơ sở vật chất và thiết bị dạy học (mức 1) Thông tư số 13/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT: Đạt

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

4. Tiêu chí số 04 về Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu của tiêu chí

Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã, Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ đạt 100%

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Cơ sở vật chất văn hóa (Trung tâm văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn) được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về diện tích đất quy hoạch và quy mô xây dựng (Đạt).

+ Xã Hòa Phong đạt chuẩn nông thôn mới vào năm 2015 (Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND tỉnh Phú Yên). Các cơ sở vật chất văn hóa: Trung tâm văn hóa - Thể thao xã, Nhà văn hóa - khu thể thao 06 thôn: Mỹ Thạnh Tây, Mỹ Thạnh Nam, Mỹ Thạnh Trung 1, Mỹ Thạnh Trung 2, Mỹ Thạnh Đông 2, Phước Thành Nam được UBND xã đầu tư nâng cấp, mở rộng, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL về diện tích đất quy hoạch và quy mô xây dựng. 02 nhà văn hóa khu thể thao thôn: Phước Thành Đông và Mỹ Thạnh Đông 1: UBND xã đang triển khai xây dựng mới. Trong quá trình triển khai thi công chờ hoàn thiện đưa vào sử dụng, UBND xã đã xây dựng quy chế sinh hoạt lồng ghép 2 thôn này cụ thể: thôn Mỹ Thạnh Đông 1 sinh hoạt lồng ghép ở Nhà văn hóa xã, thôn Phước Thành Đông sinh hoạt lồng ghép tại thôn Phước Thành Nam.

+ UBND xã Hòa Phong có Khu thể thao xã diện tích 1.780m² tại thôn Mỹ Thạnh Trung 1, với 02 sân bóng đá cỏ nhân tạo làm nơi tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao phục vụ nhân dân.

- Cơ sở vật chất văn hóa đảm bảo các tiêu chí về: trang thiết bị, cán bộ, kinh phí và tổ chức các hoạt động nghiệp vụ có hiệu quả (Đạt)

+ Cơ sở vật chất văn hóa cấp xã (Thông tư số 12/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): Cơ sở vật chất văn hóa - thể thao cấp xã có đầy đủ các trang thiết bị tổ chức hoạt động, có cán bộ quản lý văn hóa, đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên ổn định hàng năm, thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao thu hút người dân tham gia.

+ Cơ sở vật chất văn hóa cấp thôn (Thông tư số 06/2011/TT-BVHTTDL ngày 08/3/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch): Nhà văn hóa, khu thể thao 06 thôn: Mỹ Thạnh Tây, Mỹ Thạnh Nam, Mỹ Thạnh Trung 1, Mỹ Thạnh Trung 2, Mỹ Thạnh Đông 2, Phước Thành Nam có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng đạt chuẩn theo quy định của Bộ VHTTDL, có đầy đủ trang thiết bị để tổ chức hoạt động; công trình phụ trợ: có cổng, tường rào bảo vệ, có nhà vệ sinh, nhà để xe, hoa

và cây xanh trong khuôn viên, được trang bị mới một số dụng cụ thể thao đơn giản và một số nhạc cụ, dụng cụ thể thao truyền thống. Kinh phí hoạt động thường xuyên của các nhà văn hóa thôn có sự hỗ trợ của ngân sách xã và kinh phí đóng góp xã hội hóa của nhân dân. Mỗi thôn đều có cán bộ nghiệp vụ hoạt động kiêm nhiệm và hưởng thù lao theo công việc được giao. Hàng năm, các Nhà văn hóa - khu thể thao thôn tổ chức được các hoạt động hội họp, sinh hoạt văn hóa văn nghệ và thể dục thể thao vào các ngày lễ kỷ niệm của đất nước.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

5. Tiêu chí số 05 về Thu nhập

a) Yêu cầu của tiêu chí

Thu nhập bình quân đầu người/năm (cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới), đạt 45,6 triệu đồng/người/năm.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Để nâng cao thu nhập của người dân, Đảng ủy, UBND xã khuyến khích, tạo điều kiện Nhân dân vay vốn giải quyết việc làm, mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Duy trì phát triển ngành, nghề tại địa phương như: Trồng dâu nuôi tằm, mộc, nê, cơ khí... ở các thôn, mở rộng phát triển các dịch vụ. Phối hợp các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên mở các lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn để tự tìm việc làm tạo thu nhập ổn định. Hiện nay trên địa bàn xã nhân dân đang triển khai các mô hình sản xuất như:

+ Mô hình trồng nấm với diện tích 150m². Sản phẩm được tiêu thụ trong huyện và tỉnh. Thu nhập bình quân 105 triệu đồng/ha/năm.

+ Mô hình trồng mai với diện tích 1.000m², với khoảng 750 chậu mai, mô hình thực hiện tưới phun sương, mỗi năm xuất bán 550 Chậu, giá trung bình mỗi chậu 1,2 triệu đồng. Thu nhập bình quân 140 triệu đồng/ha/năm.

+ Mô hình trồng dâu nuôi tằm: hàng năm HTX triển khai cho các hộ nông dân nuôi 3 lứa tằm/năm, số lượng trứng nuôi 7 hộp, số kén 61,2kg. Số lượng kén bán cho đơn vị ngoài tỉnh, số lượng tằm bán cho HTX NN KD&DV Hòa Phong để sản xuất ruyt tằm. Thu nhập bình quân 145 triệu đồng/ha/năm.

+ Mô hình chăn nuôi tổng hợp: Diện tích nuôi khoảng 3000m², số lượng 10 con bò, 85 con heo, 3.000 con gà, 10.000 con vịt. Thu nhập bình quân 155 triệu đồng/ha/năm.

+ Mô hình nuôi chình: Quy mô diện tích 200m², số lượng thả con giống 2.000 con/đợt, thời gian từ khi thả con giống đến khi xuất chuồng từ 24 tháng, trọng lượng trung bình 1,7kg - 2,2kg /con.

- Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trên địa bàn tiếp tục đầu tư sản xuất, kinh doanh góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Hiện nay trên địa bàn xã có 16 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh vừa và nhỏ trên các lĩnh vực may mặc, vàng bạc, xây dựng, vận tải giải quyết việc làm cho trên 200 lao động, thu nhập bình quân từ 7 - 8 triệu đồng/người/tháng. Toàn xã có trên 671 hộ gia đình sản xuất kinh doanh buôn bán nhỏ: tráng bánh, làm bún, đóng hàng mộc gia dụng, cơ khí, điện, điện tử, buôn bán tạp hóa, dịch vụ ăn uống, giải quyết việc làm cho hơn 3000 lao động, thu nhập

bình quân từ 5 - 6 triệu đồng/người/tháng. Kết quả thăm tra thu nhập bình quân đầu người/năm của xã Hòa Phong năm 2020 đạt 49,254 triệu đồng/người/năm.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

6. Tiêu chí số 06 về phát triển sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ đạt > 80%.

- Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

- Tỷ lệ diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới, tỷ lệ đạt $\geq 50\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trong sản xuất nông nghiệp nhiều hộ nông dân đã mạnh dạn đầu tư máy móc, đưa cơ giới hóa vào sản xuất để giảm thời gian, sức lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất trong các khâu làm đất, gieo trồng, thu hoạch và vận chuyển nông sản. Hiện nay trong nông nghiệp, hầu hết Nhân dân đã ứng dụng cơ giới trong các khâu làm đất, gieo sạ, thu hoạch.

Hợp tác xã luôn đổi mới về công tác quản lý và phương thức hoạt động trong sản xuất kinh doanh, thúc đẩy kinh tế tập thể và kinh tế hộ gia đình phát triển, luôn tạo sự gắn kết giữa HTX với thành viên trong cung ứng các dịch vụ và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát triển và nhân rộng một số mô hình phát triển sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp là 98%.

- Về chỉ tiêu có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ.

HTX NN-KDDV Hòa Phong hợp đồng, liên kết với các hộ dân triển khai thực hiện trong vụ Đông Xuân 2020-2021, diện tích sản xuất 01 ha, số hộ tham gia 10 hộ. Mô hình sản xuất lúa được thực hiện theo phương pháp bón phân hữu cơ, phân vi sinh, không sử dụng hoá chất, kỹ thuật canh tác được thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật chuyên môn. Đến giai đoạn thu hoạch HTX NN-KDDV Hoà Phong thu mua toàn bộ lúa tươi chuyên về sân phơi, làm sạch, sau đó hợp đồng với đơn vị xay xát chế biến thành gạo sạch đóng gói. năng suất lúa bình quân 81,5 tạ/ha. Thành phẩm gạo chất lượng cao được HTX NN-KDDV Hoà Phong bán trực tiếp tại Cửa hàng HTX để phục vụ nhân dân trong xã. Ngoài ra còn liên kết hợp đồng bán cho các đơn vị thu mua gạo trong và ngoài huyện để cung cấp cho thị trường. Đặc điểm, do được canh tác theo phương pháp sản xuất hướng hữu cơ, nên đây là sản phẩm sạch, hạt gạo thơm, chất lượng dinh dưỡng cao, nên được thị trường ưa chuộng, tiêu thụ mạnh. Thương hiệu hạt gạo Tây Hòa được Cục trí tuệ công nhận và truy xuất nguồn gốc của HTXNN-KD-DV Hòa Phong, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa giống Hữu cơ chất lượng cao: Vụ Đông – Xuân năm 2020-2021, HTX liên kết với Công ty Giống cây trồng Nông Việt Phát Đắk Lắk thực hiện mô hình cánh đồng mẫu sản xuất và bao tiêu thụ lúa hướng Hữu cơ chất lượng cao, DT 60 ha, gồm các loại giống ML48, OM5954, N25, năng suất bình quân: 81,5 tạ/ha, tổng sản lượng: 489.000 kg.

- Về chỉ tiêu tỷ lệ diện tích đất trồng trọt chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới: Trên địa bàn xã, bà con nông dân đã áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới như kỹ thuật sản xuất lúa theo quy trình 1 phải 5 giảm, kỹ thuật sản xuất lúa chất lượng theo quy trình ba giảm ba tăng đạt tỷ lệ 65%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

7. Tiêu chí số 07 về Hộ nghèo

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (*trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo*), tỷ lệ $\leq 2,5\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Phối hợp với các Ngân hàng chính sách, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hỗ trợ cho vay vốn với lãi suất thấp để tạo điều kiện cho bà con nhân dân có việc làm ổn định và thu nhập đáng kể, đảm bảo an sinh xã hội. Hàng năm, UBND xã đều triển khai kế hoạch giảm nghèo nhằm làm tăng thu nhập, nâng cao đời sống và thoát nghèo; tổ chức rà soát, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã. Phối hợp với cấp trên hỗ trợ cho hộ nghèo trên địa bàn xã mô hình nuôi bò lấy thịt thương phẩm. Từ năm 2017 đến nay, có 24 hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế theo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020. Kinh phí hỗ trợ sửa chữa và xây mới từ năm 2017 đến nay là 20 nhà, với tổng số tiền 570 triệu đồng.

Toàn xã có 3.427 hộ dân và 56 hộ nghèo, trong đó có 44 hộ nghèo BTXH. Vì vậy tỷ lệ hộ nghèo là: 12 hộ/3.383 hộ, tỷ lệ 0,35%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

8. Tiêu chí số 8 về lao động có việc làm

a) Yêu cầu của tiêu chí

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, tỷ lệ đạt $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã phối hợp với các ngành chức năng tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, về vai trò, vị trí của đào tạo nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nâng cao thu nhập để người lao động nông thôn nắm bắt, khuyến khích Nhân dân tham gia học nghề, đi xuất khẩu lao động để tăng thu nhập cho gia đình. Thường xuyên rà soát, thống kê số lượng lao động trên địa bàn xã; phối hợp với Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện mở lớp đào tạo nghề cho lao động nông thôn tham gia học nghề, đáp ứng nhu cầu lao động của thị trường. Khuyến khích nhân dân tự tìm việc làm, duy trì và phát triển các ngành nghề tại địa phương. Từ đầu năm đến tháng nay, giải quyết việc làm 263/265 lao động, đạt 99,24% chỉ tiêu huyện giao, trong đó 73 số lao động tạo việc làm tăng thêm và 192 tạo việc làm thông qua chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Từ năm 2017- đến nay, cho vay giải quyết việc làm 378 hộ số tiền 12.968 triệu đồng.

Tổng số lao động có việc làm 7.866/7.867 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động, chiếm tỷ lệ 99,98%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

9. Tiêu chí số 9 về Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng, Đạt.

- Xã có chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm, Đạt.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Trên địa bàn xã có 01 Hợp tác xã nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Phong.

+ Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012: Đã tổ chức Đại hội chuyển đổi và hoạt động theo Luật HTX 2012, Giấy chứng nhận ĐKKD số 4400151032 cấp ngày 29/12/1997 (đăng ký thay đổi lần thứ 19, ngày 14/4/2020).

+ Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu theo đặc điểm từng vùng phục vụ thành viên hợp tác xã: thủy nông nội đồng; sản xuất kinh doanh lúa giống cấp xác nhận; tín dụng nội bộ; dịch vụ cung ứng tiêu thụ sen giống, các sản phẩm từ sen...

+ Kinh doanh có lãi liên tục trong 03 năm tài chính gần nhất (hoặc 02 năm tài chính đối với hợp tác xã mới thành lập dưới 03 năm):

* Năm 2018 lợi nhuận sau thuế: 612.039.177 đồng.

* Năm 2019 lợi nhuận sau thuế: 689.723.880 đồng.

* Năm 2020 lợi nhuận sau thuế: 605.724.839 đồng.

+ Có quy mô thành viên ít nhất là 14 thành viên: Hợp tác xã được thành lập với 2.088 hộ thành viên.

+ Tham gia vào chuỗi giá trị gắn với các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là tiêu thụ sản phẩm: Có mô hình sản xuất lúa hữu cơ gắn với chế biến, tiêu thụ gạo chất lượng cao; liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa giống với Trại giống Hòa Đồng; Viện KHKT nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ; Trung tâm giống và kỹ thuật cây trồng Phú Yên.

- Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm.

+ Có mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ lúa giống 60ha giữa HTX và cơ sở kinh doanh công ty giống cây trồng Nông Việt Phát tỉnh Đắk Lắk; Mô hình trồng cây dâu với diện tích 8,3 ha; Mô hình cánh đồng mẫu thực hiện chương trình giảm lượng giống gieo xạ ứng dụng cơ giới hóa trên 60 ha với tham gia 500 hộ; Mô hình sản xuất lúa hữu cơ 1ha. Trên địa bàn xã Hòa Phong có Làng nghề trồng dâu nuôi tằm luôn luôn duy trì, bảo tồn để thúc đẩy phát triển của địa phương, sản phẩm rượu tằm được UBND tỉnh công nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2019 và công nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm (theo Quyết định số 148/QĐ-CCQLCL ngày 10/6/2019 của Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản về việc công nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm), sản phẩm được công nhận sản phẩm đạt OCOP 3 sao cấp tỉnh năm 2020.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

10. Tiêu chí số 10 về Giáo dục và Đào tạo

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi – Đạt 100%.
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2, đạt tỷ lệ 100%.
- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3, Đạt.
- Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo $\geq 65\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi (theo Quyết định số 4753/QĐ-UBND, ngày 13/11/2020 của UBND huyện Tây Hòa).
- Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 (theo Quyết số 4753/QĐ-UBND, ngày 13/11/2020 của UBND huyện Tây Hòa).
- Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3 và trung học cơ sở mức độ 3 (theo Quyết định số 4753/QĐ-UBND, ngày 13/11/2020 của UBND huyện Tây Hòa).
- Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo đạt 72,1% (5.674/7.867 người).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

11. Tiêu chí số 11 về Y tế

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế $\geq 90\%$.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi), đạt tỷ lệ $< 22\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Trạm y tế đảm bảo về đội ngũ Y, Bác sĩ, trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, số thuốc đảm bảo cho công tác khám chữa bệnh; xây dựng kế hoạch, phân công lịch trực đảm bảo, tạo mọi điều kiện cho người dân đến khám và chữa bệnh. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân theo các chương trình y tế quốc gia như: Phòng, chống dịch bệnh; phòng chống HIV...; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm. Tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế để bảo vệ sức khỏe cho bản thân, gia đình. Với sự chỉ đạo của UBND xã và sự hướng dẫn chuyên môn của cơ quan y tế cấp trên đầu tư sửa chữa trạm y tế, tăng cường bố trí cơ sở vật chất và thuốc men đầy đủ,... đảm bảo trạm đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đến tháng 6/2021 là 10.138 người/10.790 người được cơ quan BHXH xác nhận, đạt tỷ lệ 93,96%.
- Căn cứ kết quả cân, đo trẻ em dưới 5 tuổi tính đến tháng 6 năm 2021: Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) là 17,63%.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

12. Tiêu chí số 12 về Văn hoá

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định. Đạt.
- Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, đạt tỷ lệ 90%.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

UBND xã phối hợp với Mặt trận, các đoàn thể, các thôn tổ chức phát động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với phong trào thi đua “Tây Hoà chung sức, chung lòng xây dựng nông thôn mới”. Cán bộ và nhân dân toàn xã phát huy tinh thần đoàn kết, xây dựng phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng- an ninh; trong đó phát triển kinh tế gắn liền với phát huy các giá trị tinh thần văn hóa.

- Năm 2020, xã Hòa Phong được công nhận là xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định (năm thứ 6 liên tiếp).

- Năm 2020, 08/08 thôn của xã được công nhận đạt danh hiệu Thôn văn hóa theo quy định: Đạt 100%.

- Năm 2020, xã Hòa Phong có 97,44% tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

13. Tiêu chí số 13 về Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định, đạt tỷ lệ 100%.

- Có điểm thu gom và xử lý nước thải phát sinh đối với các hộ, cơ sở trên địa bàn, đạt.

+ Từ 80% Đối với vùng đồng bằng, khu dân cư tập trung, đạt.

+ Từ 60% Đối với vùng miền núi, khu dân cư không tập trung, đạt.

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt tỷ lệ $\geq 95\%$.

- Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải, đạt tỷ lệ $> 75\%$.

- Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh-sạch-đẹp”, đạt tỷ lệ $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Thực hiện Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 23/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về triển khai Chỉ thị số 09-CT/TU ngày 23/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác bảo đảm vệ sinh môi trường trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 21/11/2018 của UBND huyện về tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. UBND xã ban hành các kế hoạch về tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường trên địa bàn xã. Phối hợp với Mặt trận, các hội đoàn thể tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân bảo vệ môi trường, không vứt rác thải bừa bãi, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, bảo vệ, chăm sóc cây xanh và dọn dẹp vệ sinh, đảm bảo cảnh quan môi trường xung quanh nơi ở; vận động nhân dân, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, trường học tăng cường trồng cây xanh, tôn tạo cảnh quan, đảm bảo môi trường nơi làm việc xanh-sạch-đẹp, phân công nhiệm vụ cụ thể các Hội Liên hiệp phụ nữ xã, Hội Nông dân xã, Đoàn thanh niên xã, Khối uỷ ban quản lý, Hội Cựu chiến binh xã, Đảng uỷ, Mặt trận quản lý các tuyến đường giao thông.

Tại trụ sở UBND xã thường xuyên phát động phong trào vệ sinh môi trường, trang trí bằng nhiều chậu hoa, trồng cây xanh trong khuôn viên xã tạo không gian xanh, thẩm mỹ nơi cơ quan làm việc. Các hội đoàn thể xã, cụm dân cư tham gia đăng ký nhận lãnh tuyến đường Sáng – Xanh – Sạch – Đẹp.

Hợp đồng với Công ty cô phần Đô thị và Môi trường thu gom và vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn xã 02 lần/tuần. Đồng thời, thuê nhân công nạo vét kênh

mương, thu gom và xử lý rác thải ở dọc và cuối kênh mương. Chỉ đạo bộ phận chuyên môn thường xuyên phối hợp với 08 Trưởng thôn kiểm tra hoạt động sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình và các cơ sở sản xuất kinh doanh, hướng dẫn đầu tư xây dựng các công trình xử lý rác thải, nước thải đúng quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Kết quả thực hiện các nội dung như sau:

- Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định: 100%.
- Các khu dân cư tập trung của thôn, xã có hệ thống tiêu thoát nước mưa bảo đảm nhu cầu tiêu thoát nước của khu vực, không có hiện tượng tắc nghẽn, tù đọng nước thải và ngập úng. Các hộ gia đình, cơ sở sản xuất tự xây dựng hệ thống thu gom xử lý nước thải sinh hoạt 3.271/3.464 hộ, đạt 94,43% (So với tiêu chí $\geq 80\%$).

- Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, đạt 100%.

- Rác thải sinh hoạt trên địa bàn do Công ty cổ phần môi trường đô thị thu gom, vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện. Xã đã xây dựng được 20 bể chứa vỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và Hợp đồng với Công ty cổ phần môi trường Khánh Hòa để thu gom, vận chuyển và xử lý. Có hương ước, quy ước bảo vệ môi trường. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải 3.061/3.516, đạt 97% (So với tiêu chí $\geq 75\%$).

- Các đường làng, ngõ xóm đã được bê tông hóa và không lầy lội. Các tuyến đường liên thôn, liên xã đều trồng hoa, cây cảnh. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh – sạch – đẹp” 3.290/3.516 hộ, đạt 93,6% (So với tiêu chí $\geq 90\%$).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

14. Tiêu chí số 14 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu của tiêu chí

- Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ, Đạt.

- Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã, tỷ lệ đạt $\geq 90\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Đảng ủy, UBND xã tạo mọi điều kiện để cán bộ học tập, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ thực hiện nghiêm Chỉ thị số 23/CT-UBND, ngày 08/12/2016 của UBND tỉnh về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu về cải cách hành chính và nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong các cơ quan nhà nước các cấp. Triển khai sâu rộng đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thực hiện theo tinh thần của Quyết định số 2640/QĐ-BNV ngày 10/10/2017 của Bộ Nội vụ về việc phê duyệt Đề án “Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2020” và Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 07/06/2018 của UBND tỉnh Phú Yên về Ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã trong năm 2020 đạt 98% (So với chỉ tiêu $\geq 90\%$).

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

15. Tiêu chí số 15 về Quốc phòng và an ninh

a) Yêu cầu của tiêu chí

- UBND xã đã xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự-quốc phòng. Đạt

- An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự. Đạt

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Xây dựng Ban CHQS xã và lực lượng dân quân đủ số lượng theo quy định của Bộ Quốc phòng, cán bộ Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó có trình độ trung cấp chuyên nghiệp và trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở; Chỉ huy trưởng là cấp ủy viên cùng cấp là thành viên ủy ban; Ban chỉ huy quân sự có nhà làm việc riêng và có đầy đủ trang thiết bị quy định, theo Nghị quyết của HĐND tỉnh. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân nòng cốt đạt 100% theo kế hoạch, vượt chỉ tiêu so Nghị quyết, hoàn thành chỉ tiêu phát triển đảng viên mới trong dân quân theo quy định, các thôn đội trưởng đều là đảng viên; xây dựng chi bộ có cấp ủy, chi bộ quân sự hàng năm đều đạt trong sạch vững mạnh, Ban chỉ huy quân sự xã đạt vững mạnh toàn diện. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên. Đã tham mưu ban hành đầy đủ nghị quyết, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương như: Thực hiện 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ; đăng ký, quản lý quân nhân dự bị đúng quy định, 100% quân nhân dự bị động viên và phương tiện kỹ thuật được đăng ký, quản lý chặt chẽ theo chỉ tiêu cấp trên giao sẵn sàng động viên khi có lệnh; có Nghị quyết xây dựng lực lượng dân quân “Vững mạnh, rộng khắp”, tổ chức huấn luyện cho lực lượng dân quân theo phân cấp, bảo đảm chỉ tiêu, có chất lượng, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng và đảm bảo ANTT trên địa bàn; phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền, giáo dục quốc phòng, an ninh cho các đối tượng, tham mưu cử cán bộ tham gia bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đạt 100% chỉ tiêu; công tác vận động quần chúng, công tác chính sách hậu phương quân đội thực hiện tốt; tổ chức cho dân quân tự vệ, dự bị động viên tham gia xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện...

- An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự. Công an xã tiếp tục duy trì thực hiện các mô hình phòng ngừa tội phạm về ANTT như: “Khu dân cư tự quản về ANTT”, “Liên kết Trường – Xã đảm bảo về ANTT”, “Quản lý, giáo dục trẻ em, người chưa thành niên làm trái pháp luật tại cộng đồng”, “Mô hình cảm hóa giáo dục đối tượng tái hòa nhập cộng đồng; “Camera AN phòng, chống tội phạm”; “Đảm bảo ANTT địa bàn giáp ranh giữa xã Hòa Phong với thị trấn Phú Hòa”; “Công khai số điện thoại trực ban, Trưởng, Phó Công an xã”, đạt được nhiều hiệu quả trong phòng, chống tội phạm, đảm bảo ANTT tại địa bàn xã.

c) Đánh giá: Đạt chuẩn tiêu chí theo quy định.

III. Về tình hình nợ đọng XDCB trong xây dựng nông thôn mới

Đến nay, xã Hòa Phong không còn nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

IV. Kết luận

1. Về hồ sơ

Đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đầy đủ hồ sơ theo quy định tại Quyết định 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính Phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

2. Về kết quả thực hiện tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao

Tổng số tiêu chí nông thôn mới là 19/19 tiêu chí (49/49 chỉ tiêu) của xã Hòa Phong theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 13/02/2019 của UBND tỉnh về ban hành cụ thể một số tiêu chí, chỉ tiêu của bộ tiêu chí xã nông thôn mới, giai đoạn từ năm 2019-2020 trên địa bàn tỉnh Phú Yên, đạt 100%.

Tổng số tiêu chí đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là 15/15 (35/35) chỉ tiêu của xã Hòa Phong theo quy định tại Quyết định số: 530/QĐ-UBND ngày 21/03/2018 của UBND tỉnh về ban hành tiêu chí, chỉ tiêu xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, giai đoạn từ năm 2018-2020 tỉnh Phú Yên, đạt 100%.

(Theo các Phụ lục tổng hợp kết quả thẩm định kèm theo)

VI. KIẾN NGHỊ:

Đề nghị UBND tỉnh Phú Yên xét công nhận xã Hòa Phong đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Chủ tịch, PCT. UBND Huyện;
- UBMTTQVN huyện và các Đoàn thể;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Ne

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới

TT	Tên tiêu chí	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Khối lượng thực hiện	Kết quả
I. QUY HOẠCH					
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ XÃ HỘI					
2	Giao thông	2.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	4,59/4,59km (Đạt 100%)	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	≥ 70%	5,89/5,89km (Đạt 100%)	Đạt
		2.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa được cứng hóa	≥ 70%	36,18/36,18km (Đạt 100%)	Đạt
		2.4. Đường trục chính nội đồng được đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.	≥ 70%	19,216/19,216 km (Đạt 100%)	Đạt
3	Thủy lợi	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	≥ 80%	552/577 ha (Đạt 95,6%)	Đạt
		3.2. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ.	Đạt	Đạt	Đạt
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn.	≥ 98%	3.623/3.623 hộ (Đạt 100%)	Đạt
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia.	≥ 80%	3/3 (Đạt 100%)	Đạt
6	Cơ sở	6.1. Nhà văn hoá, khu thể thao xã	Đạt	Đạt	Đạt

	vật chất văn hoá	đạt chuẩn của Bộ VH-TT-DL.			
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản ấp có nhà văn hoá hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%	8/8 thôn	Đạt
7	Cơ sở hạ tầng, thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (nêu rõ xã có chợ/cửa hàng tiện lợi)	Đạt	Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có điểm phục vụ viễn thông, Internet.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Có đài tuyên thanh xã và hệ thống loa truyền thanh đến các thôn hoạt động thường xuyên.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Đạt	Đạt
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát .	Không	Không	Đạt
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định.	≥ 80%	3.375/3.414 Nhà (Đạt 98,8%)	Đạt
III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT					
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Triệu đồng	49,254 triệu đồng	Đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo	≤ 5%	12/3.383 hộ (Đạt 0,35%)	Đạt
12	Tỷ lệ lao động có việc làm	Tỷ lệ người lao động có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	≥ 90%	7.866/7.867 người (Đạt 99,98%)	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012	Đạt	Đạt	Đạt
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Đạt	Đạt
IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
14	Giáo dục	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ và phổ	Đạt	Đạt	Đạt

		cấp giáo dục tiêu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.			
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) .	$\geq 85\%$	150/174 (Đạt 86,2 %)	Đạt
		14.3. Tỷ lệ lao động qua đào tạo	$\geq 40\%$	5671/7866 (Đạt 72,1%)	Đạt
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT.	$\geq 85\%$	10.138/10.790 người (Đạt 93,96%)	Đạt
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi).	$\leq 24,2$	141/800 (Đạt 17,63%)	Đạt
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	$\geq 70\%$	100%	Đạt
17	Môi trường	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy chuẩn Quốc gia.	$\geq 95\%$ ($\geq 60\%$ nước sạch)	3.516/3.516 hộ (Đạt 100%)	Đạt
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về môi trường.	100%	51/51 cơ sở (Đạt 100%)	Đạt
		17.3. Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh – sạch – đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.4. Mai táng phù hợp theo quy định và theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.5. Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất – kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	$\geq 85\%$	3.271/3.464 (Đạt 94,43%)	Đạt
		17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	$\geq 75\%$	1.033/1.033 hộ (Đạt 100%)	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%	33/33 hộ (Đạt 100%)	Đạt
V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ					

18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh".	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
19	Quốc phòng và an ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các tiêu chí quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2. Xã đạt chuẩn an toàn về an ninh, trật tự xã hội và đảm bảo bình yên.	Đạt	Đạt	Đạt

PHỤ LỤC
Kết quả thực hiện 15 tiêu chí xây dựng nông thôn mới nâng cao

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Khối lượng thực hiện	Kết quả
I. HẠ TẦNG KINH TẾ-XÃ HỘI					
1	Giao thông	1.1. Tỷ lệ km đường trục thôn, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 80%	5,89/5,89km (Đạt 100%)	Đạt
		1.2. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm được nhựa hóa hoặc bê tông hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 60% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)	36,18/36,18km (Đạt 100%)	Đạt
		1.3. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông Vận tải	≥ 40% (phần còn lại đảm bảo được duy trì cứng hóa)	8,686/19,216km Đạt (45,2%)	Đạt
		1.4. Tỷ lệ km đường trục xã, liên xã, đường trục thôn xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	100%	10,48/10,48km (Đạt 100%)	Đạt
		1.5. Tỷ lệ km đường ngõ xóm đảm bảo “Sáng, xanh, sạch, đẹp”	≥ 70%	28,49/36,18km (Đạt 78,74%)	Đạt
		1.6. Tất cả các tuyến đường giao thông nông thôn được bảo trì thường xuyên và đảm bảo an toàn giao thông	Đạt	Đạt	Đạt
2	Điện	Tỷ lệ điện đáp ứng nhu cầu cho cụm công nghiệp; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung theo quy hoạch được phê duyệt	≥ 85%	100%	Đạt
3	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia theo quy	100%	03/03 (Đạt 100%)	Đạt

		định của Bộ Giáo dục và Đào tạo			
4	Cơ sở vật chất văn hóa	Trung tâm Văn hóa-Thể thao xã, Nhà văn hóa-Khu thể thao thôn được duy tu, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động có hiệu quả	100%	100%	Đạt
II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ NÔNG THÔN, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN					
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người/năm 2019	Cao gấp 1,2 lần trở lên so với thu nhập bình quân đầu người của xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới	49,254 triệu đồng	Đạt
6	Phát triển sản xuất	6.1. Tỷ lệ cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất nông nghiệp	> 80%	100%	Đạt
		6.2. Có mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến sản phẩm an toàn, sạch, hoặc mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ	Đạt	Đạt	Đạt
		6.3. Tỷ lệ diện tích đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản chủ lực theo quy hoạch áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới	≥ 50%	65%	Đạt
7	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 (<i>trừ các trường hợp thuộc diện bảo trợ xã hội theo quy định, hoặc do tai nạn rủi ro bất khả kháng, hoặc do bệnh hiểm nghèo</i>)	≤ 2,5%	12/3.383 (Đạt 0,35)	Đạt
8	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động	≥ 95%	7.866/7.877 người (Đạt 99,98%)	Đạt
9	Tổ chức sản xuất	9.1. Có ít nhất 01 hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã năm 2012 hoạt động hiệu quả và được nhân rộng	Đạt	Đạt	Đạt
		9.2. Xã có chuỗi liên kết sản	Đạt	Đạt	Đạt

		xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo an toàn thực phẩm			
III. GIÁO DỤC-Y TẾ-VĂN HÓA					
10	Giáo dục và Đào tạo	10.1. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn Phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	100%	100%	Đạt
		10.2. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	100%	100%	Đạt
		10.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3	Đạt	Đạt	Đạt
		10.4. Tỷ lệ lao động có việc làm được đào tạo	≥ 65%	5.674/7.867 (Đạt 72,1%)	Đạt
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	≥ 90%	10.138/10.790 (Đạt 93,96%)	Đạt
		11.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	< 22%	141/800 (Đạt 17,63%)	Đạt
12	Văn hóa	12.1. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		12.2. Tỷ lệ thôn đạt tiêu chuẩn thôn văn hóa theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	90%	8/8 thôn, 100%	Đạt
		12.3. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	≥ 95%	3.430/3.520 (Đạt 97,44%)	Đạt
IV. CẢNH QUAN-MÔI TRƯỜNG					
13	Môi trường và an toàn thực phẩm	13.1. Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định	100%	3.516/3.516 (Đạt 100%)	Đạt
		13.2. Có điểm thu gom và xử lý nước thải phát sinh đối với các hộ, cơ sở trên địa bàn	Đạt	3.271/3.464 (Đạt 94,43%)	Đạt
		- Từ 80% Đối với vùng đồng bằng, khu dân cư tập trung		Đạt	Đạt
		- Từ 60% Đối với vùng miền núi, khu dân cư không tập trung			
		13.3. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	≥ 95%	1.050/1.050 (Đạt 100%)	Đạt
		13.4. Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải	> 75%	3.516/3.516 (Đạt 100%)	Đạt

		13.5. Tỷ lệ hộ có cảnh quan nơi ở “xanh-sạch-đẹp”	≥ 90%	3.290/3.516 (Đạt 93,57%)	Đạt
V. AN NINH TRẬT TỰ-HÀNH CHÍNH CÔNG					
14	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	14.1. Cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ trong thực hiện nhiệm vụ	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính của UBND xã	≥ 90%	98%	Đạt
15	Quốc phòng và An ninh	15.1 Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp toàn diện và hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự quốc phòng	Đạt	Đạt	Đạt
		15.2. An ninh trật tự xã hội được giữ vững; xây dựng và thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, có mô hình phòng chống tội phạm hoạt động thường xuyên, hiệu quả đảm bảo an ninh trật tự	Đạt	Đạt	Đạt